

Số: /KH-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng 01 năm 2025

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận năm 2025

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ-TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030".

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 29/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến 2030;

Căn cứ Quyết định số 2314/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành “Đề án chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030”.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Bám sát, triển khai thực hiện đầy đủ, nhất quán các định hướng, mục tiêu tổng quát, nhiệm vụ của Trung ương, Tỉnh ủy và Hội đồng nhân dân tỉnh. Thực hiện đồng bộ, toàn diện, hiệu quả các nhóm giải pháp, biện pháp nhằm đẩy nhanh quá trình thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

Tăng cường đầu tư, đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, bảo đảm nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Đẩy mạnh việc triển khai dự án chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

2.1. Phát triển hạ tầng số

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 92% hộ gia đình, 100% địa bàn thôn có dân cư;
- Triển khai phủ sóng mạng 5G tại thành phố Phan Rang - Tháp Chàm và thị trấn thuộc các huyện trên 100%;
- 100% hạ tầng CNTT được rà soát, nâng cấp, bảo đảm liên thông kết nối từ tỉnh đến cấp huyện và xã, phường, thị trấn;
- Tỷ lệ dân số có điện thoại thông minh đạt 90%;
- 100% cơ quan nhà nước được kết nối vào mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và Nhà nước.
- Tỷ lệ sử dụng Ipv6 đạt 70%.

2.2. Phát triển Chính quyền số

- 100% văn bản điện tử gửi, nhận giữa các cơ quan hành chính Nhà nước các cấp được ký số thay thế văn bản giấy (trừ văn bản mật).
- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.
- Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình đạt tỷ lệ 70%.
- Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ đạt 80%; Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính (TTHC) được tiếp nhận, xử lý trực tuyến đạt 80%.
- 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- 100% hệ thống báo cáo của tỉnh được kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ (trừ các báo cáo thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- 100% hệ thống thông tin của tỉnh thường xuyên rà soát, cập nhật, phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

- 100% Công/Trang thông tin điện tử các cơ quan, ban, ngành và địa phương công khai thông tin đầy đủ theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội của cấp ủy, chính quyền cấp tỉnh và huyện được tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ (*trừ các báo cáo thuộc phạm vi bí mật nhà nước*).

- Tỷ lệ cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở đầy đủ theo danh mục đạt 50% (không áp dụng đối với dữ liệu mật, tuyệt mật và dữ liệu phục vụ công tác quân sự, quốc phòng).

- Tỷ lệ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính đạt 95%.

2.3. Phát triển kinh tế số

- Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP của tỉnh đạt 12%.

- Tỷ trọng doanh thu thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt 7%.

- 100% sản phẩm OCOP của tỉnh tham gia sàn thương mại điện tử nội địa.

2.4. Phát triển xã hội số

- Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử đạt 100%.

- Tỷ lệ người dân từ đủ 15 tuổi trở lên có số tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác đạt 100%.

- Tỷ lệ các bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh triển khai Sổ sức khỏe điện tử tích hợp trên ứng dụng VNeID đạt trên 95%.

- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh triển khai thanh toán học phí không dùng tiền mặt đạt 100%.

- Bảo đảm mỗi người dân có một danh tính số đạt 100%.

2.5. Bảo đảm an toàn thông tin mạng

- Tổ chức triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng theo mô hình 4 lớp quy định tại Trung tâm tích hợp dữ liệu.

- 100% hệ thống thông tin, hạ tầng máy chủ, thiết bị tại Trung tâm dữ liệu tỉnh được bảo vệ phòng, chống tấn công mạng, có giải pháp quản trị, vận hành và sao lưu, lưu trữ dự phòng.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Nhận thức số

- Triển khai các hoạt động truyền thông về chuyển đổi số. Lựa chọn một xã/phường để triển khai thử nghiệm công tác truyền thông, phổ biến các kỹ năng số cơ bản cho người dân.

- Tiếp tục bồi dưỡng, tập huấn chuyên đổi số, chính phủ số, kinh tế số và an toàn thông tin cho cán bộ, người lao động. Tập trung đào tạo chuyên sâu về kiến trúc, dữ liệu, an ninh mạng, nâng cao kỹ năng số cho người dân, doanh nghiệp nhằm tối ưu hóa việc sử dụng nền tảng và dịch vụ số.

2. Hạ tầng số

- Tập trung nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu theo đề án chuyển đổi số đáp ứng đề án 06/CP.

- Mở rộng vùng phủ sóng 5G hướng tới số trạm 5G đạt 50% số trạm 4G. Thanh, kiểm tra SIM rác theo kế hoạch thanh, kiểm tra được phê duyệt.

- Triển khai chuyển đổi IPv6 tại các cơ quan nhà nước.

- Hiện đại hóa, nâng cao năng lực, an toàn thông tin các mạng, hệ thống thông tin phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước; Phát triển nền tảng quản lý tài nguyên và Private Cloud trên mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước; sẵn sàng hạ tầng phục vụ Đại hội Đảng các cấp.

3. Dữ liệu số

- Triển khai cung cấp dữ liệu mở phục vụ cho người dân, doanh nghiệp, thúc đẩy đổi mới sáng tạo dựa trên dữ liệu theo Kế hoạch số 3548/KH-UBND ngày 05/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc cung cấp dữ liệu mở trong các cơ quan nhà nước tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2024-2025 và Quyết định số 1262/QĐ-UBND ngày 20/9/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Quy chế quản lý, vận hành, khai thác dữ liệu trên Cổng dữ liệu mở tỉnh Ninh Thuận.

- Các sở, ngành, địa phương đẩy mạnh xây dựng các nền tảng số, triển khai nhanh việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước theo định hướng của các chương trình, chiến lược, kế hoạch về chuyển đổi số. Đồng thời, các sở, ngành, địa phương tiến hành xây dựng các cơ sở dữ liệu dùng chung như kế hoạch, danh mục đã được ban hành.

4. Chính quyền số

- Tiếp tục triển khai thực hiện mỗi cơ quan, đơn vị có một sản phẩm chuyển đổi số cụ thể.

- Xây dựng mô hình làng chuyển đổi số, xã chuyển đổi số gắn với chương trình nông thôn mới, đào tạo, tập huấn kỹ năng số cho người nông dân.

- Tiếp tục hướng dẫn các sở, ngành, địa phương phổ cập Dịch vụ công trực tuyến toàn trình và triển khai thực hiện “Đề án Tuyên truyền, phổ biến về cung cấp và sử dụng hiệu quả DVCTT đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

5. Kinh tế số và xã hội số

- Phần đầu đạt tỷ trọng kinh tế số trong GRDP của tỉnh đạt 12%.
- Tích hợp các nền tảng có tính hạ tầng trong việc triển khai các ứng dụng số như chữ ký số, thanh toán số, định danh số.
- Triển khai đề án chuyển đổi số ngành thông tin và truyền thông phổ cập chữ ký số cho người dân.
- Chương trình hỗ trợ các doanh nghiệp, cửa hàng, hộ kinh doanh bán buôn, bán lẻ chuyển đổi số.
- Hợp tác với các doanh nghiệp công nghệ số xây dựng các nền tảng số, ứng dụng số giải quyết, tháo gỡ điểm nghẽn, từ đó thúc đẩy kinh tế số.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THƯỜNG XUYÊN

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành

a) Tiếp tục tăng cường quán triệt sâu sắc quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số cho các cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị trong tỉnh, nhất là người đứng đầu nhận thức rõ được vai trò, trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng kế hoạch, chương trình hành động tổ chức thực hiện phù hợp với điều kiện tình hình của địa phương, đơn vị; xem chuyển đổi số là công cụ tiết kiệm về nguồn lực góp phần thực hiện nhanh nhất các mục tiêu, nhiệm vụ chính trị của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Ban hành Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh năm 2025. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

c) Phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức chính trị xã hội khác đẩy mạnh tuyên truyền, vận động thay đổi nhận thức và hành động, ứng dụng có hiệu quả các thành tựu khoa học công nghệ phục vụ đời sống sản xuất, kinh doanh.

d) Đẩy mạnh hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, các tiện ích, dịch vụ số an toàn, hiệu quả. Qua đó, đẩy nhanh tiến độ triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số của tỉnh, hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 29/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

e) Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan báo chí, truyền thông, Cổng thông tin điện tử, các trang thông tin điện tử, hệ thống thông tin cơ sở trên địa bàn tỉnh tập trung, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, đa dạng hóa hình thức và nội dung tuyên truyền về công tác chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận.

2. Thể chế, chính sách số

a) Cụ thể hóa các văn bản của Chính phủ, Bộ, ngành về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phù hợp với điều kiện của tỉnh nhằm tạo ra môi trường pháp lý thuận lợi cho việc đẩy mạnh ứng dụng và phát triển Chính quyền điện tử/Chính quyền số.

b) Tiếp tục rà soát, xây dựng các cơ chế chính sách đủ mạnh để huy động nguồn lực đầu tư từ xã hội thực hiện chuyển đổi số; nhất là cơ chế chính sách tạo điều kiện, hỗ trợ phát triển kinh tế số, doanh nghiệp chuyển đổi số trên các lĩnh vực trọng điểm; tạo điều kiện và phát huy năng lực, thế mạnh của các đối tác chiến lược để vừa thu hút nguồn lực chuyển đổi số, đồng thời thực hiện thỏa thuận hợp tác đã ký với tỉnh.

c) Tổng kết tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 29/11/2021 của Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số.

d) Cập nhật, xây dựng Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Ninh Thuận phiên bản 3.0 theo Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 3.0.

3. Hạ tầng số

a) Phát triển hạ tầng lưu trữ, hạ tầng điện toán đám mây của tỉnh phục vụ chuyển đổi số, phát triển kinh tế số và xã hội số phù hợp với định hướng chung về phát triển trung tâm dữ liệu quốc gia. Tiếp tục đầu tư, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị công nghệ thông tin tại các đơn vị, địa phương thực hiện các ứng dụng công nghệ thông tin, dịch vụ dùng chung của tỉnh.

b) Duy trì, nâng cao năng lực, chất lượng dịch vụ và mở rộng kết nối, giám sát, kiểm soát truy cập tập trung của Mạng truyền số liệu chuyên dùng, bảo đảm ổn định, thông suốt, kết nối bốn cấp hành chính từ Trung ương đến cấp xã để phục vụ Chính quyền số.

c) Tiếp tục mở rộng triển khai các điểm phát sóng 5G trên địa bàn tỉnh, nâng cao chất lượng mạng di động 4G; nâng cao tỷ lệ người dân sử dụng điện thoại thông minh.

d) Triển khai hướng dẫn và cấp chữ ký số cho người dân để thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình, bảo đảm giá trị pháp lý của các tài liệu, giấy tờ đã được số hóa (như sổ sức khỏe điện tử, học bạ số,...).

e) Tập trung nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị công nghệ thông tin tại các đơn vị, địa phương đặc biệt đến cấp xã, phường, thị trấn.

4. Phát triển dữ liệu số

a) Triển khai các cơ sở dữ liệu (CSDL) kết nối với các CSDL của tỉnh theo Quyết định số 714/QĐ-TTg. Tổ chức triển khai, đưa vào khai thác CSDL dùng chung của tỉnh theo nhiệm vụ được giao. Triển khai cung cấp dữ liệu mở phục vụ cho người dân, doanh nghiệp, thúc đẩy đổi mới sáng tạo dựa trên dữ liệu theo Nghị định số 47/2024/NĐ-CP ngày 09/5/2024 của Chính phủ về khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu Quốc gia.

b) Tiếp tục thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (trục LGSP) để khai thác sử dụng hiệu quả dữ liệu đã có từ các CSDL quốc gia với các hệ thống của tỉnh.

c) Thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và tái sử dụng dữ liệu số hóa trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

d) Tiếp tục triển khai kết nối CSDL quốc gia về dân cư, thường xuyên tích hợp vào CSDL quốc gia về dân cư các thông tin y tế, bảo hiểm xã hội,..., phục vụ phát triển, hoàn thiện và triển hiệu quả ứng dụng công dân số từ VNeID.

đ) Xây dựng CSDL số dùng chung, phát triển hệ thống giám sát, điều hành thông minh nhằm tăng cường quản lý công. Xây dựng, hoàn thiện các CSDL ngành, lĩnh vực: đất đai, hộ tịch, y tế...

5. An toàn thông tin mạng

a) Tập trung triển khai nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ cho các hệ thống thông tin. Bảo đảm 100% hệ thống thông tin được triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo hồ sơ đề xuất cấp độ đã được phê duyệt.

b) Duy trì hoạt động ổn định Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng tỉnh Ninh Thuận (SOC), bảo đảm kết nối thường xuyên liên tục với với Trung tâm giám sát an toàn, an ninh mạng quốc gia.

c) Duy trì và nâng cao hiệu quả công tác bảo đảm an toàn thông tin theo mô hình “4 lớp”, đặc biệt là nâng cao năng lực của lớp giám sát, bảo vệ chuyên nghiệp và kết nối, chia sẻ thông tin với hệ thống giám sát quốc gia theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông

d) Triển khai các hoạt động kiểm tra, giám sát, đo lường bằng các công cụ, phương tiện trực tuyến; kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin định kỳ cho hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý. Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin trên môi trường mạng.

6. Nhân lực số

a) Tiếp tục duy trì, tăng cường triển khai công tác bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số nói chung, chính quyền số, kinh tế số, an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

b) Tăng cường công tác chỉ đạo, triển khai đào tạo nhân lực số trong cơ sở giáo dục đào tạo cao đẳng, đại học và sau đại học, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh nhằm bảo đảm nhu cầu nhân lực phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

c) Tiếp tục triển khai phổ cập kỹ năng số cho người dân thông qua các Tổ công nghệ số cộng đồng hướng dẫn người dân các kỹ năng số cơ bản, kỹ năng an toàn thông tin cơ bản bao gồm: sử dụng dịch vụ công trực tuyến; mua sắm trực tuyến; thanh toán trực tuyến...; tự bảo vệ mình trên không gian mạng. Triển khai đào tạo trực tuyến cho người dân thông qua Nền tảng học trực tuyến mở đại trà của Bộ Thông tin và Truyền thông.

7. Chính quyền số

a) Thường xuyên thực hiện rà soát, cập nhật, nâng cấp hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, nâng cao chất lượng cung cấp DVC trực tuyến. Tập trung thực hiện tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, bảo đảm cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuận lợi, đơn giản hơn thực hiện trực tiếp trên cơ sở số hóa, tái sử dụng dữ liệu, liên thông điện tử.

b) Triển khai các giải pháp để định danh và xác thực người dùng dịch vụ công trực tuyến thông suốt, hợp nhất giữa các nền tảng, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thông qua định danh điện tử VNeID.

c) Duy trì hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh kết nối với hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

d) Duy trì kết nối trực liên thông văn bản của tỉnh kết nối liên thông với Văn phòng Chính phủ, các bộ ngành Trung ương và các địa phương ngoài tỉnh thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia.

đ) Triển khai thúc đẩy sử dụng các nền tảng số quốc gia trên địa bàn tỉnh; triển khai cơ sở dữ liệu quốc gia theo Quyết định số 714/QĐ-TTg kết nối với các cơ sở dữ liệu của tỉnh, trong đó tập trung đẩy mạnh triển khai cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo Đề án 06 và cơ sở dữ liệu về đất đai.

e) Nghiên cứu, từng bước triển khai Trợ lý ảo trong cơ quan nhà nước để hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức nâng cao hiệu quả và năng suất lao động.

8. Kinh tế số và xã hội số

a) Tiếp tục triển khai các chương trình, kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số vào trong quản lý, quy trình sản xuất, phát triển sản phẩm từ ứng dụng công nghệ số. Chú trọng phát triển kinh tế số một số ngành lĩnh vực như: thông tin, truyền thông, tài nguyên môi trường, y tế, giáo dục, văn hóa, du lịch, công thương, thương mại điện tử, nông nghiệp, giao thông...

b) Phát triển kinh tế số trong lĩnh vực thương mại điện tử: Chuyển đổi mô hình hoạt động của các cửa hàng bán lẻ, cửa hàng tạp hoá và chợ truyền thống; các làng nghề thủ công mỹ nghệ dựa trên công nghệ số và dữ liệu số; Đẩy mạnh công tác quản lý thuế, tiếp tục cung cấp các dịch vụ thuế điện tử hỗ trợ việc kê khai, nộp thuế theo phương thức điện tử, triển khai các giải pháp về hóa đơn điện tử đối với hoạt động thương mại điện tử.

c) Thúc đẩy chuyển đổi số tại các doanh nghiệp; tập trung chuyển đổi số trong nông nghiệp; phát triển nông nghiệp công nghệ cao; tối ưu hóa quy trình sản xuất, nâng cao năng suất, truy xuất nguồn gốc, giảm phát thải, hình thành khu công nghiệp xanh; số hóa quy trình sản xuất, quản trị doanh nghiệp cả trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, đẩy mạnh phát triển du lịch thông minh.

d) Tiếp tục triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số Quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030. Đẩy mạnh hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, các tiện ích, dịch vụ số an toàn, hiệu quả, mang lại lợi ích thiết thực cho người dân; tăng tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt, đưa các sản phẩm lên sàn thương mại điện tử.

đ) Tiếp tục cấp phát chứng thư số, chữ ký số chuyên dùng công vụ. Phổ cập mỗi người dân (trưởng thành) có một danh tính số, tài khoản số, có một chữ ký số cá nhân để sử dụng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ/tiện ích số.

e) Chỉ đạo Đoàn Thanh niên các cấp tiếp tục mở rộng phát triển và tổ chức hoạt động hiệu quả các Tổ công nghệ số cộng đồng, tập trung phổ cập kiến thức, nâng cao nhận thức, kỹ năng số cho người dân; hỗ trợ thực hiện cải cách hành chính, phát triển dịch vụ công trực tuyến.

g) Tổ công nghệ số cộng đồng tích cực triển khai hướng dẫn từng người truy cập, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, phổ cập kiến thức kỹ năng số và kỹ năng an toàn thông tin cơ bản. Tiếp tục tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng VneID để nộp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Cổng Dịch vụ công cấp tỉnh.

h) Triển khai bệnh viện số, ưu tiên phục vụ công tác quản lý hành chính tại bệnh viện; hỗ trợ công tác khám, chữa bệnh tại chỗ và từ xa; triển khai và sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử, tiến tới không sử dụng bệnh án giấy, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt.

k) Phát triển, xây dựng mô hình khu phố số nhằm thúc đẩy hoạt động chuyển đổi số từng phường, xã đến khu phố, ấp. Người dân sử dụng hạ tầng số, nền tảng số, dịch vụ số và công nghệ, kỹ thuật số để phục vụ đời sống hàng ngày và thay đổi phương thức, hoạt động sản xuất, kinh doanh.

V. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

1. Danh mục dự án Chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025. *(Chi tiết tại Phụ lục 2 đính kèm).*

2. Danh mục các nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số khác dự kiến triển khai năm 2025 *(Chi tiết tại Phụ lục 3 đính kèm).*

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch này bảo đảm đồng bộ, thống nhất, hiệu quả, khả thi trên địa bàn toàn tỉnh. Nghiên cứu áp dụng các phương án, giải pháp để thúc đẩy hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ được giao, trong đó, tập trung thực hiện việc đôn đốc, kiểm tra, đề ra các biện pháp, giải pháp và hướng dẫn chi tiết, cụ thể để các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, ban, ngành, địa phương tổ chức triển

khai thực hiện Kế hoạch này; tổ chức bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng cơ chế, chính sách, môi trường pháp lý tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện; đẩy mạnh công tác tuyên truyền tạo sự đồng thuận cao trong xã hội về triển khai chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; triển khai các nhiệm vụ đẩy mạnh chuyển đổi số phục vụ công tác báo cáo, chỉ đạo, điều hành của tỉnh.

c) Chỉ đạo các doanh nghiệp bưu chính - viễn thông và công nghệ thông tin chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị tư vấn, hỗ trợ các giải pháp, triển khai thực hiện công nghệ mới, mô hình mới theo chức năng, nhiệm vụ về phát triển hạ tầng số, kinh tế số, xã hội số theo Kế hoạch này.

d) Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch; Kịp thời báo cáo, tham mưu đề xuất tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, điều chỉnh các nội dung Kế hoạch khi cần thiết nhằm đạt các mục tiêu đề ra trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch.

2. Văn phòng UBND tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cải cách TTHC, kiểm soát TTHC, hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công và Bộ phận một cửa cấp huyện, cấp xã.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông trong việc tổ chức đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện Kế hoạch này.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính, các đơn vị liên quan nghiên cứu, tham mưu báo cáo UBND tỉnh bố trí nguồn vốn từ ngân sách nhà nước trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm để triển khai thực hiện các nhiệm vụ, dự án ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định khác có liên quan.

4. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ khả năng cân đối ngân sách tỉnh, tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí chi thường xuyên ngân sách tỉnh cho các cơ quan, đơn vị để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ; Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND tỉnh và các Văn bản khác có liên quan.

5. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai các giải pháp nhằm kết hợp chặt chẽ, có hiệu quả việc triển khai Chương trình cải cách hành chính với Kế hoạch này.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan có liên quan

triển khai tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức về công nghệ thông tin, chuyển đổi số, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì hướng dẫn, đề xuất các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo liên quan đến chuyển đổi số; đẩy mạnh triển khai các chính sách khuyến khích doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ số; tăng cường phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông trong việc triển khai các nhiệm vụ, giải pháp về việc tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 trên địa bàn tỉnh.

- Ưu tiên kinh phí triển khai các chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông có liên quan đến nội dung triển khai Kế hoạch.

7. Công an tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh và các đơn vị có liên quan tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ tại Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tiến hành các biện pháp truyền thông, phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh với các loại hình tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật lĩnh vực an ninh mạng trên địa bàn tỉnh.

8. Các cơ quan, ban, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, tổ chức triển khai các nội dung của Kế hoạch này. rà soát, đăng ký chỉ tiêu đồng thời tham mưu chính sách thu hút nhân lực nhằm kiến toàn bộ máy chuyên trách về chuyển đổi số tại đơn vị đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đề ra. Xây dựng các nhiệm vụ, dự án trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch này về Sở Thông tin và Truyền thông theo định kỳ (quý 1, 6 tháng, 9 tháng và cả năm) để tổng hợp, báo cáo Ban chỉ đạo và Ban Điều hành chuyển đổi số tỉnh.

9. Các cơ quan báo, đài trên địa bàn tỉnh:

Tăng cường công tác truyền thông nhằm tạo sự đồng thuận giữa chính quyền, doanh nghiệp và người dân trong thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

10. Các doanh nghiệp bur chính, viễn thông, công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh: Chủ động triển khai các nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ về phát triển hạ tầng số, kinh tế số, xã hội số của Kế hoạch này. Đồng thời, triển khai các nhiệm vụ, giải pháp, chủ động thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động

của doanh nghiệp, phát triển hạ tầng số, nền tảng số, bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

VII. QUY ĐỊNH CHUYỂN TIẾP

Triển khai thực hiện Kết luận số 539-KL/TU ngày 27/12/2024 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, các Sở, ngành được hình thành sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy sẽ tiếp tục thực hiện nhiệm vụ liên quan được giao tại Kế hoạch này.

Quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ, dự án về chuyển đổi số yêu cầu tuân thủ nguyên tắc kế thừa, tiếp tục phát huy các thành tựu, kết quả đã đạt được và đặc thù từng cơ quan, đơn vị, địa phương, đảm bảo hiệu quả, thiết thực; tuân thủ các quy định về quản lý nguồn vốn, tránh trùng lặp, lãng phí trong đầu tư; đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, công nghệ, kiến trúc; đáp ứng các yêu cầu về tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu và bảo đảm an ninh, toàn thông tin mạng.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị tổ chức hiện nghiêm túc, hiệu quả các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả thực hiện. Trong quá trình triển khai, căn cứ chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; Bộ, ngành chủ quản và điều kiện tình hình thực tiễn, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc các nhiệm vụ đột xuất, phát sinh phải kịp thời báo cáo về UBND tỉnh (qua Sở Thông tin và Truyền thông) để được xem xét, giải quyết.

Định kỳ hàng hàng quý (trước ngày 25 tháng cuối quý), 6 tháng (trước ngày 25/6) và hàng năm (trước ngày 15/12) các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo kết quả, tiến độ thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Ban Điều hành Chuyển đổi số tỉnh./

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông (b/c);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Thành viên Ban Điều hành;
- Các cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- VNPT, Viettel, Mobifone, FPT Ninh Thuận;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Hội Doanh nhân trẻ Ninh Thuận;
- Báo Ninh Thuận, Đài PTTH tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: LĐ, các phòng/ban/trung tâm;
- Lưu: VT, VXNV. NNN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Long Biên

PHỤ LỤC 1

Các chỉ tiêu chuyển đổi số năm 2025

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số...../KH-UBND ngày ... tháng 01 năm 2025 của UBND tỉnh Ninh Thuận)

TT	Mục tiêu	Đơn vị thực hiện	Chỉ tiêu năm 2025	Ghi chú
I	Phát triển hạ tầng số			
1	Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ đến hộ gia đình	Sở TTTT	trên 92%	
2	Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ đến địa bàn thôn có dân cư	Sở TTTT	100%	
3	Triển khai phủ sóng mạng 5G tại thành phố Phan Rang - Tháp Chàm và thị trấn thuộc các huyện	Sở TTTT	100%	
4	hạ tầng CNTT được rà soát, nâng cấp, bảo đảm liên thông kết nối từ tỉnh đến cấp huyện và xã, phường, thị trấn	Sở TTTT	100%	
5	Tỷ lệ dân số có điện thoại thông minh	Sở TTTT	90%	
6	Cơ quan nhà nước được kết nối vào mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và Nhà nước	Các cơ quan, ban, ngành	100%	
II	Phát triển Chính quyền số			
	Văn bản điện tử gửi, nhận giữa các cơ quan hành chính Nhà nước các cấp được ký số thay thế văn bản giấy (trừ văn bản mật)	Các cơ quan, ban, ngành	100%	
	Dịch vụ công trực tuyến toàn trình được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động	Các cơ quan, ban, ngành		
	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ	Các cơ quan, ban, ngành	80%	
	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính (TTHC) được tiếp nhận, xử lý trực tuyến	Các cơ quan, ban, ngành	80%	
	Hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước)	Các cơ quan, ban, ngành	100%	
	Hệ thống báo cáo của tỉnh được kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ (trừ các báo cáo thuộc phạm vi bí mật nhà nước)	Các cơ quan, ban, ngành	100%	
	Hệ thống thông tin của tỉnh thường xuyên rà soát, cập nhật, phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ	Các cơ quan, ban, ngành	100%	
	Cổng/Trang thông tin điện tử Các cơ quan, ban, ngành và địa phương công khai thông tin đầy đủ theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022	Các cơ quan, ban, ngành	100%	

TT	Mục tiêu	Đơn vị thực hiện	Chỉ tiêu năm 2025	Ghi chú
	của Chính phủ Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng			
	Chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội của cấp ủy, chính quyền cấp tỉnh và huyện được tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ (<i>trừ các báo cáo thuộc phạm vi bí mật nhà nước</i>)	Các cơ quan, ban, ngành	100%	
	Tỷ lệ cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở đầy đủ theo danh mục (không áp dụng đối với dữ liệu mật, tuyệt mật và dữ liệu phục vụ công tác quân sự, quốc phòng)	Các cơ quan, ban, ngành	50%	
	Tỷ lệ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính	Các cơ quan, ban, ngành	95%	
III	Phát triển kinh tế số	Sở TTTT		
	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP của tỉnh	SKHĐT	12%	
	Tỷ trọng doanh thu thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ	Sở Công thương	7%	
	Sản phẩm OCOP của tỉnh tham gia sàn thương mại điện tử nội địa	Sở Công thương	100%	
IV	Phát triển xã hội số			
	Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử	Ngân hàng Nhà nước	100%	
	Tỷ lệ người dân từ đủ 15 tuổi trở lên có số tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	Sở TTTT	100%	
	Tỷ lệ các bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh triển khai Sổ sức khỏe điện tử tích hợp trên ứng dụng VNeID đạt	Sở Y tế	Trên 95%	
	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh triển khai thanh toán học phí không dùng tiền mặt	Sở Giáo dục và Đào tạo	100%	
	Đảm bảo mỗi người dân có một danh tính số	Công an tỉnh	100%	
	Đảm bảo an toàn thông tin mạng	Sở TTTT		
	Tổ chức triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng theo mô hình 4 lớp quy định tại Trung tâm tích hợp dữ liệu	Sở TTTT		
	Hệ thống thông tin, hạ tầng máy chủ, thiết bị tại Trung tâm dữ liệu tỉnh được bảo vệ phòng, chống tấn công mạng, có giải pháp quản trị, vận hành và sao lưu, lưu trữ dự phòng	Sở TTTT	100%	

PHỤ LỤC 2

Danh mục dự án Chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số...../KH-UBND ngày ... tháng 01 năm 2025 của
UBND tỉnh Ninh Thuận)

TT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Giá trị dự toán
A	Phát triển nền tảng cho chuyển đổi số			
I	Nhóm dự án chuyển đổi nhận thức			
1	Đào tạo nâng cao nhận thức và kỹ năng số trong cơ quan nhà nước, cán bộ chuyên gia số	Sở TTTT	Các cơ quan, ban, ngành	2.445.440.000
2	Nâng cao nhận thức, năng lực, kỹ năng trong nền kinh tế số	Sở TTTT	Các cơ quan, ban, ngành	819.800.000
3	Triển khai thực hiện ứng dụng NinhThuan-Smart đến người dùng	Sở TTTT	Các cơ quan, ban, ngành	574.448.580
II	Phát triển hạ tầng số			
1	Xây dựng Trung tâm dữ liệu dùng chung, trung tâm dự phòng nóng, hạ tầng dự phòng thảm họa	Sở TTTT	Công an tỉnh, Các cơ quan, ban, ngành	45.033.793.511
2	Xây dựng và triển khai hạ tầng điện toán đám mây (Cloud Computing)	Sở TTTT	Các cơ quan, ban, ngành	1.868.011.200
3	Chuyển đổi địa chỉ IP trong cơ quan nhà nước qua giao thức thế hệ mới (IPv6)	Sở TTTT	Các cơ quan, ban, ngành	497.560.034
4	Nâng cấp hệ thống mạng số liệu chuyên dùng phục vụ cơ quan nhà nước	Sở TTTT	Các doanh nghiệp	-
5	Phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IOT)	Sở TTTT	Các doanh nghiệp	
6	Phủ sóng mạng thế hệ mới (5G) toàn tỉnh	Sở TTTT	Các doanh nghiệp	
III	Số hóa nguồn dữ liệu			
1	Số hóa dữ liệu chuyên ngành, Chuẩn hóa dữ liệu chia sẻ doanh nghiệp, tổ chức	Sở TTTT	Sở Nội vụ	
	Chi phí phần mềm Chuẩn hóa dữ liệu chia sẻ doanh nghiệp, tổ chức			3.038.249.986
	Chi phí số hóa tài liệu lưu trữ			9.585.275.284
2	Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin chuyên ngành; Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ chỉ tiêu kinh tế xã hội	Sở TTTT	Sở KHĐT	
	Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ chỉ tiêu kinh tế xã hội			2.293.958.024
	Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin chuyên ngành			310.035.000

TT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Giá trị dự toán
3	Triển khai kết nối, chia sẻ CSDL chuyên ngành với trục LGSP của tỉnh Tích hợp số liệu trên nền tảng dữ liệu lớn và công cụ phân tích dữ liệu lớn (Big Data)	Sở TTTT	Các cơ quan, ban, ngành	1.105.503.637
IV	Xây dựng nền tảng số			
1	Xây dựng kiến trúc chuyển đổi số và hệ thống nền tảng số	Sở TTTT	Các cơ quan, ban, ngành	658.804.769
2	Tích hợp lên các nền tảng số quan trọng: Số hóa, định danh điện tử, Internet vạn vật (IOT), Dữ liệu lớn (Big Data), Trí tuệ nhân tạo (AI), Nền tảng chuỗi khối (Blockchain)	Sở TTTT	Các cơ quan, ban, ngành	4.441.603.000
3	Kết nối, tích hợp và chia sẻ với các cơ sở dữ liệu của các đơn vị cung cấp dịch vụ công ích, xã hội và các dịch vụ công cộng	Sở TTTT	Các cơ quan, ban, ngành	977.251.455
4	Đầu tư mạng lưới phát thanh thông minh	Sở TTTT	UBND các huyện, thành phố	
	Thiết bị phát thanh thông minh			3.900.663.995
	Phần mềm thông tin nguồn			559.998.085
V	Đảm bảo an toàn thông tin			
1	Xây dựng Trung tâm giám sát, điều hành an toàn thông tin (SOC)	Sở TTTT	Các cơ quan, ban, ngành	3.660.200.000
2	Xây dựng nền tảng và hệ thống quy chuẩn đảm bảo an toàn thông tin	Sở TTTT	Các cơ quan, ban, ngành	-
3	Triển khai thực hiện hệ thống xác thực định danh trên nền tảng số	Sở TTTT	Các cơ quan, ban, ngành	1.175.835.000
VI	Phát triển nguồn nhân lực			
1	Đào tạo chuyên sâu về các công nghệ mới cho cán bộ chuyên trách Công nghệ thông tin	Sở TTTT	Các cơ quan, ban, ngành	934.252.443
2	Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng cho cán bộ, công chức, viên chức về kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu, sử dụng, khai thác các hệ thống thông tin của tỉnh	Sở TTTT	Các cơ quan, ban, ngành	934.252.443
B	Phát triển Chính quyền số			
1	Triển khai nền tảng tích hợp, chia sẻ hoàn thiện phát triển chính quyền số	Sở TTTT	Các cơ quan, ban, ngành	2.735.795.444
2	Nâng cấp hệ thống quản lý văn bản và điều hành công việc theo hướng dịch vụ thông minh	Sở TTTT	Các cơ quan, ban, ngành	2.104.285.411
3	Chuyển hóa các hệ thống thông tin dùng chung trong cơ quan nhà nước tỉnh Ninh Thuận theo kiến trúc Chính quyền điện tử 3.0	Sở TTTT	Các cơ quan, ban, ngành	1.903.141.082

TT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Giá trị dự toán
4	Hệ thống thông tin dịch vụ công theo yêu cầu thực tiễn mới và mô hình thí điểm phục vụ dịch vụ công	Sở TTTT	Các cơ quan, ban, ngành	3.177.323.165
5	Hệ thống thông tin chuẩn Công sở số, phòng họp số tích hợp trung tâm giám sát ngành thông minh	Sở TTTT	Các cơ quan, ban, ngành	7.656.243.781
6	Xây dựng bản đồ số, mạng xã hội dành riêng cho công chức, viên chức, các dịch vụ cơ bản về trí tuệ nhân tạo (AI) thu thập dữ liệu, hỗ trợ ra quyết định, phục vụ cho hoạt động quản lý nhà nước trên nền tảng số	Sở TTTT	Các cơ quan, ban, ngành	1.385.959.239
7	Xây dựng Trung tâm chỉ đạo, điều hành hành số	Sở TTTT	VP UBND tỉnh	
	Xây dựng Trung tâm chỉ đạo, điều hành hành số			1.884.171.741
	Hệ thống màn hình Trung tâm chỉ đạo, điều hành hành số			1.398.053.250
C	Phát triển kinh tế số			
1	Phát triển thị trường thương mại điện tử, hạ tầng số phục vụ thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận	Sở TTTT	Sở Công Thương	1.520.018.187
2	Xây dựng phát triển doanh nghiệp số	Sở TTTT	Sở KHĐT	930.000.000
3	Triển khai chương trình khởi nghiệp sáng tạo thúc đẩy phát triển kinh tế số	Sở TTTT	Sở KH-CN	
D	Phát triển xã hội số			
1	Xây dựng hệ thống cáp quang đến cấp xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh	Sở TTTT	Các doanh nghiệp	
2	Xây dựng ứng dụng dùng chung thống nhất phục vụ chuyển đổi số và phát triển dịch vụ đô thị thông minh trên nền tảng di động (NinhThuan-Smart)	Sở TTTT	Các cơ quan, ban, ngành	4.632.471.540
3	Hệ thống Wifi công cộng phục vụ du khách, người dân.	Sở TTTT	Các doanh nghiệp, UBND các huyện, thành phố	8.567.528.460
E	Chuyển đổi số trong một số lĩnh vực ưu tiên			
1	Xây dựng đề án phát triển dịch vụ đô thị thông minh			
1.1	Hệ thống phần mềm điều hành thông minh (PM lõi)	Sở TTTT	Sở TTTT	4.132.186.933
1.2	Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quy hoạch tỉnh	Sở TTTT	Sở KHĐT	2.025.764.116

TT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Giá trị dự toán
1.3	Xây dựng cơ sở dữ liệu chuyển đổi số ngành thông tin và truyền thông	Sở TTTT	Sở TTTT	4.081.226.948
1.4	Phần mềm tích hợp các hệ thống camera	Sở TTTT	Sở TTTT	3.500.000.000
1.5	Nâng cấp Hệ thống giám sát thông tin trên không gian mạng	Sở TTTT	Sở TTTT	800.000.000
1.6	Hệ thống tiếp nhận phản ánh hiện trường	Sở TTTT	Sở TTTT	2.214.269.000
2	Xây dựng nền tảng số, hoàn thiện và phát triển dịch vụ Y tế thông minh phổ cập đến cấp cơ sở, đảm bảo điều kiện tham gia vào mạng lưới Y tế thông tin toàn quốc.	Sở TTTT	Sở Y Tế	2.944.349.011
3	Xây dựng nền tảng số, hoàn thiện và phát triển dịch vụ Giáo dục thông minh phổ cập đến cấp cơ sở, đảm bảo điều kiện tham gia vào mạng lưới Giáo dục thông tin toàn quốc.	Sở TTTT	Sở GD và ĐT	4.766.049.329
4	Xây dựng nền tảng số, hoàn thiện và phát triển dịch vụ Du lịch thông minh	Sở TTTT	Sở VH TT và DL	2.591.704.760
5	Nền tảng số và chuyển đổi số toàn diện ngành Văn hóa, thể thao. Tích hợp vào hệ thống dịch vụ thông minh ngành Văn hóa, thể thao. Ứng dụng thực tế ảo và thực tế tăng cường (AR/VR) tại các di tích, điểm đến thuộc tỉnh	Sở TTTT	Sở VH TT và DL	3.083.340.928
6	Xây dựng nền tảng số và phát triển dịch vụ giám sát, điều hành Giao thông thông minh	Sở TTTT	Sở GTVT	3.670.890.836
7	Ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của các trung tâm logistics	Sở TTTT	Sở Công thương	1.599.283.636
8	Chuyển đổi số trong nông nghiệp nhằm thúc đẩy các ứng dụng, tiên bộ khoa học công nghệ trong hoạt động quản lý nguồn nước, phát triển các giải pháp tưới tiết kiệm, thích ứng biến đổi khí hậu hướng đến ngành Nông nghiệp thông minh	Sở TTTT	Sở NN và PTNT	2.540.754.875
9	Ứng dụng thông minh trong việc giám sát quá trình vận hành của các hồ, đập; theo dõi lượng mưa tại các hồ, đập; giám sát tình hình ô nhiễm môi trường tại các khu công nghiệp, ô nhiễm không khí, môi trường nước; giám sát dịch vụ cung cấp nước sạch; giám sát ô nhiễm đất đai, tiếng ồn;...	Sở TTTT	Sở TN và MT	4.520.796.757
10	Thực hiện Đề án phát triển nguồn nhân lực CNTT đến năm 2025	Sở TTTT	Sở Nội vụ	934.680.000

PHỤ LỤC 3**Danh mục các nhiệm vụ thực hiện chuyển đổi số khác dự kiến triển khai năm 2025**

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số...../KH-UBND ngày ... tháng 01 năm 2025 của UBND tỉnh Ninh Thuận)

STT	Nội dung, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
A	NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM			
1	Nhận thức số			
a)	Triển khai các hoạt động truyền thông về chuyển đổi số.	Sở TTTT	Các cơ quan, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố	Năm 2025
b)	Lựa chọn một xã/phường để triển khai thử nghiệm công tác truyền thông, phổ biến các kỹ năng số cơ bản cho người dân.	UBND các huyện, thành phố	Sở TTTT	Năm 2025
2	Hạ tầng số			
a)	Tập trung nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu theo đề án chuyển đổi số đáp ứng đề án 06/CP.	Sở TTTT	Công an tỉnh, Các cơ quan, ban, ngành	Năm 2025
b)	Triển khai quy hoạch viễn thông thụ động, tăng cường phát triển mạng lưới 5G trên địa bàn thành phố Phan Rang-Tháp Chàm và các thị trấn của các huyện.	Sở TTTT	Các doanh nghiệp viễn thông	Năm 2025
c)	Triển khai chuyển đổi IPv6 tại các cơ quan nhà nước.	Sở TTTT	Các cơ quan, ban, ngành, UBND cấp huyện/cấp xã	Năm 2025
3	Dữ liệu số			
	Triển khai cung cấp dữ liệu mở phục vụ cho người dân, doanh nghiệp, thúc đẩy đổi mới sáng tạo dựa trên dữ liệu	Sở TTTT	Các cơ quan, ban, ngành	Năm 2025
4	Chính quyền số			
a)	Tiếp tục triển khai thực hiện mỗi cơ quan, đơn vị có một sản phẩm chuyển đổi số cụ thể.	Các cơ quan, ban, ngành	Sở TTTT	Năm 2025
b)	Xây dựng mô hình làng chuyển đổi số, xã chuyển đổi số gắn với chương trình nông thôn mới, đào tạo, tập huấn kỹ năng số cho người nông dân.	Các cơ quan, ban, ngành	Sở TTTT	Năm 2025
5	Kinh tế số và xã hội số			
	Phần đầu đạt tỷ trọng kinh tế số trong GRDP của tỉnh đạt 12%	Sở KHĐT	Sở TTTT	Năm 2025

STT	Nội dung, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
B	NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYÊN			
1	Nhận thức số			
	Xây dựng ban hành kế hoạch chuyển đổi số năm 2025 của cơ quan, đơn vị để tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị.	Các cơ quan, ban, ngành; UBND huyện, thành phố	Các cơ quan, ban, ngành có liên quan	Năm 2025
2	Thế chế, chính sách số			
a)	Tiếp tục rà soát, xây dựng các cơ chế chính sách đủ mạnh để huy động nguồn lực đầu tư từ xã hội thực hiện chuyển đổi số; nhất là cơ chế chính sách tạo điều kiện, hỗ trợ phát triển kinh tế số, doanh nghiệp chuyển đổi số trên các lĩnh vực trọng điểm, tạo điều kiện và phát huy năng lực, thế mạnh của các đối tác chiến lược để vừa thu hút nguồn lực chuyển đổi số, đồng thời thực hiện thỏa thuận hợp tác đã ký với tỉnh.	Sở KHĐT	Sở TTTT	Năm 2025
b)	Tổng kết tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 29/11/2021 của Tỉnh ủy về chuyển đổi số	Sở TTTT	Các cơ quan, ban, ngành	Năm 2025
3	Hạ tầng số			
a)	Tiếp tục mở rộng triển khai các điểm phát sóng 5G trên địa bàn tỉnh, nâng cao chất lượng mạng di động 4G; nâng cao tỷ lệ người dân sử dụng điện thoại thông minh	Sở TTTT	Các doanh nghiệp viễn thông	Năm 2025
b)	Triển khai hướng dẫn và cấp chữ ký số cho người dân	Các cơ quan, ban, ngành	Các doanh nghiệp	Năm 2025
4	Phát triển dữ liệu số			
	Xây dựng, hoàn thiện các CSDL ngành, lĩnh vực: đất đai, hộ tịch, y tế...	Các cơ quan, ban, ngành	UBND các huyện, thành phố	Năm 2025
5	An toàn thông tin mạng			
a)	Tập trung triển khai nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ cho các hệ thống thông tin. Đảm bảo 100% hệ thống thông tin được triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo hồ sơ đề xuất cấp độ đã được phê duyệt	Sở TTTT	Các cơ quan, ban, ngành	Năm 2025
b)	Duy trì hoạt động ổn định Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng tỉnh Ninh Thuận (SOC)	Sở TTTT	Các cơ quan, ban, ngành	Năm 2025
c)	Duy trì và nâng cao hiệu quả công tác bảo đảm an toàn thông tin theo mô hình “4 lớp”	Sở TTTT	Các cơ quan, ban, ngành	Năm 2025
6	Nhân lực số			

STT	Nội dung, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
a)	Tiếp tục duy trì, tăng cường triển khai công tác bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số nói chung, chính quyền số, kinh tế số, an toàn thông tin cho cán bộ công chức, viên chức, người lao động	Sở TTTT	Các cơ quan, ban, ngành	Năm 2025
b)	Tiếp tục triển khai phổ cập kỹ năng số cho người dân thông qua các Tổ công nghệ số cộng đồng hướng dẫn người dân các kỹ năng số cơ bản, kỹ năng an toàn thông tin cơ bản	Sở TTTT	Các cơ quan, ban, ngành, UBND cấp huyện/cấp xã	Năm 2025
7	Chính quyền số			
a)	Tập trung thực hiện tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, bảo đảm cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuận lợi, đơn giản hơn thực hiện trực tiếp trên cơ sở số hóa, tái sử dụng dữ liệu, liên thông điện tử.	Sở TTTT	Các cơ quan, ban, ngành	Năm 2025
b)	Thường xuyên thực hiện rà soát, cập nhật, nâng cấp hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, nâng cao chất lượng cung cấp DVC trực tuyến. Tập trung thực hiện tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, bảo đảm cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuận lợi, đơn giản hơn thực hiện trực tiếp trên cơ sở số hóa, tái sử dụng dữ liệu, liên thông điện tử.	Các cơ quan, ban, ngành	Sở TTTT	Năm 2025
c)	Triển khai các giải pháp để định danh và xác thực người dùng dịch vụ công trực tuyến thông suốt, hợp nhất giữa các nền tảng, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thông qua định danh điện tử VNeID	Các cơ quan, ban, ngành	Sở TTTT	Năm 2025
d)	Duy trì hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh kết nối với hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ	Các cơ quan, ban, ngành	Sở TTTT	Năm 2025
đ)	Nghiên cứu, từng bước triển khai Trợ lý ảo trong cơ quan nhà nước để hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức nâng cao hiệu quả và năng suất lao động	Các cơ quan, ban, ngành	Sở TTTT	Năm 2025
8	Kinh tế số và xã hội số			
a)	Tiếp tục triển khai các chương trình, kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh CDS, ứng dụng công nghệ số vào trong quản lý, quy trình sản xuất, phát triển sản phẩm từ ứng dụng công nghệ số	Các cơ quan, ban, ngành	Sở TTTT	Năm 2025
b)	Phát triển kinh tế số trong lĩnh vực thương	Sở Công	Các cơ quan,	Năm 2025

STT	Nội dung, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
	mại điện tử	thương	ban, ngành, UBND cấp huyện/cấp xã	
c)	Thúc đẩy chuyển đổi số tại các doanh nghiệp; tập trung chuyển đổi số trong nông nghiệp; phát triển khai nông nghiệp công nghệ cao; tối ưu hóa quy trình sản xuất, nâng cao năng suất, truy xuất nguồn gốc, giảm phát thải, hình thành khu công nghiệp xanh; số hóa quy trình sản xuất, quản trị doanh nghiệp cả trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng...	Các cơ quan, ban, ngành, UBND cấp huyện/cấp xã	Sở TTTT	Năm 2025
d)	Phát triển nền tảng thanh toán trực tuyến theo hướng mở rộng các đối tác, đa dạng hình thức thanh toán và triển khai nhân rộng cho các dịch vụ sự nghiệp công (học phí, viện phí, phí rác thải...) và các giao dịch dân sự (thương mại điện tử, đấu giá tài sản...)	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Ninh Thuận	Các cơ quan, ban, ngành có liên quan	Năm 2025
đ)	Phát triển, hoàn thiện ứng dụng phục vụ công tác quản lý thu thuế, hỗ trợ các cơ quan quản lý nhà nước và người nộp thuế tra cứu xác thực dữ liệu hóa đơn điện tử, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, minh bạch cho người nộp thuế, đồng thời, hỗ trợ kiểm soát, giám sát và thực thi thu thuế để tăng thu ngân sách	Cục Thuế tỉnh	Các cơ quan, ban, ngành có liên quan	Năm 2025
e)	Tiếp tục triển khai các mô hình theo đề án 06/CP	Các cơ quan, ban, ngành	Công an tỉnh	Năm 2025
9	Các nhiệm vụ khác			
a)	Tổ chức Hội thi Tin học trẻ	Sở TTTT	Tỉnh đoàn, Sở GDĐT	Năm 2025
b)	Tiếp tục thuê dịch vụ hội nghị truyền hình trực tuyến đối với UBND các huyện, thành phố, UBND tỉnh, Văn phòng Tỉnh ủy	Sở TTTT	Các cơ quan, ban, ngành có liên quan	Năm 2025
c)	Tiếp tục thuê dịch vụ an toàn thông tin mạng	Sở TTTT		Năm 2025
d)	Duy trì tin nhắn OTP xác thực người dùng hàng năm	Sở TTTT		Năm 2025
đ)	Thuê hội nghị truyền hình trực tuyến Tỉnh đoàn, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân	Sở TTTT	Các cơ quan, ban, ngành có liên quan	Năm 2025
e)	Triển khai phần mềm theo dõi kết quả xử lý, giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân kết nối giữa các cơ quan hành chính nhà nước, các cơ quan Đảng và các cơ quan tư pháp từ cấp tỉnh đến cấp xã trên địa bàn tỉnh	Thanh tra tỉnh	Các cơ quan, ban, ngành có liên quan	Năm 2025
g)	Xây dựng hệ thống quản lý, giám sát các dự án đầu tư, giải ngân vốn đầu tư công và nhắc	Sở KHĐT	Sở Tài chính, Sở TTTT	Năm 2025

STT	Nội dung, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
	việc có thời hạn			
h)	Nâng cấp phần mềm TDSOFT quản lý dữ liệu đối tượng chính sách và bảo trợ xã hội	Sở LĐTBXH	Sở Tài chính, Sở TTTT	Năm 2025